

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST

Ngày 16/04/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH**

Phiên tòa xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Thanh Xuân, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2018/HSST ngày 03 tháng 04 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, theo thủ tục rút gọn số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 04 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và Tên: Nguyễn Văn H, (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1960, tại N - Ninh Bình; Trú tại: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 07/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị C; Vợ là Nguyễn Thị T; Con: Có 05 con đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/03/2018, chuyển tạm giam từ ngày 16/03/2018. Hiện Đng bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, (có mặt).

2. Họ và Tên: Bùi Xuân T, (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1973, tại N - Ninh Bình; Trú tại: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị T; Có Vợ: Nguyễn Thị Con: Có 02 con đã trưởng thành;

Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Nhân thân bị cáo: Tại bản án số 33 ngày 22/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình đã xử phạt Bùi Xuân T 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” và 200.000^d án phí HSST; Bùi Xuân T đã chấp hành xong tiền phạt và án phí ngày

07/11/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/03/2018, chuyển tạm giam từ ngày 16/03/2018. Hiện Đng bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, (có mặt).

3. Họ và Tên: Bùi Quốc V, (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1972, tại N - Ninh Bình; Trú tại: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Văn K và bà Nguyễn Thị D; Vợ: Đinh Thị C; Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/03/2018 đến ngày 16/03/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, (có mặt).

4. Họ và Tên: Bùi Văn B, (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1972, tại N - Ninh Bình; Trú tại: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 00/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Văn S và bà Bùi Thị C; Vợ: Nguyễn Thị H; Con: Có 02 con đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/03/2018 đến ngày 16/03/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, (có mặt).

5. Họ và Tên: Bùi Văn Đ, (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1976, tại N - Ninh Bình; Trú tại: thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Văn Đ và bà Đinh Thị M; Vợ: Đinh Thị T; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/03/2018 đến ngày 16/03/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, (có mặt).

6. Họ và Tên: Nguyễn Văn B1, (Tên gọi khác: không); Sinh năm 1985, tại N - Ninh Bình; Trú tại: thôn 2 V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị N; Vợ: Đinh Thị N; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/03/2018 đến ngày 16/03/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, (có mặt).

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn B2, sinh năm 1957; Trú tại: thôn 1 V, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 14/03/2018 Nguyễn Văn H mời Bùi Văn B, Bùi Quốc V, Bùi Văn Đ, Bùi Xuân T và Nguyễn Văn B1 đến gia đình của H để ăn cơm uống rượu. Sau khi ăn xong, khoảng 14 giờ cùng ngày Nguyễn Văn H lấy ra 01 bộ tú lơ khơ 52 quân rử B, V, Đ, T, B1 đánh bạc thì được mọi người đồng ý. Sau đó Nguyễn Văn H, Bùi Văn B, Bùi Quốc V, Bùi Văn Đ, Bùi Xuân T và Nguyễn Văn B1 cùng nhau ngồi xuống nền phòng khách của nhà H để đánh bạc và thống nhất hình thức “*đánh Liêng*” được thua bằng tiền với mức cá cược từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng. Nguyễn Văn H, Bùi Văn B, Bùi Quốc V, Bùi Văn Đ, Bùi Xuân T và Nguyễn Văn B1 bắt đầu đánh bạc từ khoảng 14 giờ ngày 14/03/2018 đến 16 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N phối hợp với Công an xã T phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 12.250.000 đồng và 52 quân bài tú lơ khơ.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn H, Bùi Xuân T, Bùi Quốc V, Bùi Văn B, Bùi Văn Đ và Nguyễn Văn B1 đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Quyết định truy tố số 02/QĐ/VKS-HS ngày 02/04/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Bùi Xuân T, Bùi Quốc V, Bùi Văn B, Bùi Văn Đ và Nguyễn Văn B1 đều về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn H, Bùi Xuân T, Bùi Quốc V, Bùi Văn B, Bùi Văn Đ và Nguyễn Văn B1 đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”; Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS, xử phạt Nguyễn Văn H từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; (được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2018 đến ngày 16/04/2018 là 34 ngày được quy đổi thành 102 ngày cải tạo không giam giữ); giao bị cáo cho UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án; phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng; Miễn khấu trừ thu nhập;

* Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS; Xử phạt Bùi Xuân T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; (được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2018 đến ngày 16/04/2018 là 34 ngày được

quy đổi thành 102 ngày cải tạo không giam giữ); giao bị cáo cho UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án; phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng; Miễn khấu trừ thu nhập.

* Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS:

- Xử phạt Bùi Văn Đ từ 25 đến 30 triệu đồng.
- Xử phạt Nguyễn Văn B1 từ 25 đến 30 triệu đồng.
- Xử phạt Bùi Quốc V từ 22 đến 25 triệu đồng.
- Xử phạt Bùi Văn B từ 22 đến 25 triệu đồng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 12.250.000 đồng;

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và vật chứng đã thu giữ; như vậy có đủ căn cứ kết luận từ khoảng 14 giờ đến 16 giờ ngày 14/03/2018, tại phòng khách của gia đình Nguyễn Văn H ở thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Bùi Xuân T, Bùi Quốc V, Bùi Văn B, Bùi Văn Đ và Nguyễn Văn B1 đã có hành vi sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân đánh bạc với nhau bằng hình thức “đánh Liêng” được

thua bằng tiền bị bắt quả tang với số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 12.250.000 đồng;

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và độ tuổi theo qui định, thực hiện hành vi do lỗi cố ý. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại quyết định truy tố, lời luận tội, chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Đây là vụ án có đồng bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc, phân công từ trước do vậy chỉ là đồng phạm giản đơn. Để quyết định hình phạt tương xứng với từng bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều là những người nông dân làm ruộng thuần túy nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân làm ăn lương thiện, thích chơi bời bằng những cuộc “đổ đen” sát phạt nhau.

Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn H là người khởi sự, chuẩn bị công cụ, đề ra hình thức đánh bạc và mức độ cá cược; vì vậy bị cáo giữ vai trò đầu trong vụ án.

Các bị cáo T, V, B, Đ và B1 có vai trò đồng phạm như nhau trong vụ án; Riêng bị cáo T có nhân thân xấu tại bản án số 33 ngày 22/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình đã xử phạt bị cáo 10.000.000^d về tội “Đánh bạc” bị cáo đã chấp hành xong ngày 07/11/2016 đến ngày phạm tội mới đã đương nhiên được xóa án tích nên không bị coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; vì vậy bị cáo T phải chịu mức hình phạt ngang với bị cáo Hảo. Các bị cáo V, B, Đ và B1 sử dụng số tiền mang theo để đánh bạc khác nhau vì vậy mức hình phạt đối với bị cáo Đ và B1 như nhau và cao hơn bị cáo V và B.

* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có.

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với các bị cáo H, V, B, Đ, B1 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra đối với bị cáo H còn có bố đẻ là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng huân chương, do đó cần cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Đối với bị cáo T quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo; Bị

cáo có bố, mẹ đẻ là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng huân, huy chương. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS

Cần nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, xét thấy:

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn H và Bùi Xuân T cần áp dụng Điều 36 BLHS giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú để giám sát giáo dục cải tạo, để các bị cáo có cơ hội cải tạo, làm lại cuộc đời, sống có ích cho gia đình và xã hội. Ngoài ra theo quy định tại Điều 36 BLHS các bị cáo còn bị khấu trừ thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ nhà nước; tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện các bị cáo nghề nghiệp làm ruộng thu nhập không ổn định, vì vậy quyết định miễn việc khấu trừ thu nhập. Các bị cáo Đng bị tạm giam và bị xử phạt bằng hình phạt khác không phải là hình phạt tù vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 328 BLTTHS trả tự do ngay cho các bị cáo tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác và được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam theo tỷ lệ cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Đối với các bị cáo Bùi Quốc V, Bùi Văn B, Bùi Văn Đ và Nguyễn Văn B1 cần áp dụng Điều 35 BLHS phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”; Do đó đối với các bị cáo H, T ngoài hình phạt chính cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền từ mười triệu đồng đến mười lăm triệu đồng để nộp ngân sách nhà nước. Đối với các bị cáo V, B, Đ, B1 do bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền vì vậy quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 12.250.000 đồng thu giữ của các bị cáo sử dụng để đánh bạc; do vậy căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước;

- 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ các bị cáo đánh bạc; do vậy căn cứ khoản 1 Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần tịch thu tiêu hủy.

[3] Các vấn đề khác:

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Bùi Xuân T, Bùi Văn Đ, Bùi Quốc V, Bùi Văn B và Nguyễn Văn B1 đều phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS; Xử phạt: Nguyễn Văn H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/03/2018 đến ngày 16/04/2018 là 34 ngày quy đổi thành 03 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ); Bị cáo còn phải chấp hành là 8 (Tám) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản án. Giao bị cáo H cho UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình theo dõi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện N trong việc giám sát giáo dục bị cáo; Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000^d (Mười triệu đồng); Miễn khấu trừ thu nhập.

Căn cứ khoản 3 Điều 328 BLTTHS: Trả tự do ngay cho bị cáo Nguyễn Văn H tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS; Xử phạt: Bùi Xuân T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/03/2018 đến ngày 16/04/2018 là 34 ngày quy đổi thành 03 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ); Bị cáo còn phải chấp hành là 8 (Tám) tháng 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản án. Giao bị cáo T cho UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình theo dõi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện N trong việc giám sát giáo dục bị cáo; Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000^d (Mười triệu đồng); Miễn khấu trừ thu nhập.

Căn cứ khoản 3 Điều 328 BLTTHS: Trả tự do ngay cho bị cáo Bùi Xuân T tại phiên toà nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS;

- Xử phạt Bùi Văn Đ 23.000.000^d (Hai mươi ba triệu đồng).
- Xử phạt Nguyễn Văn B1 23.000.000^d (Hai mươi ba triệu đồng).
- Xử phạt Bùi Quốc V 22.000.000^d (Hai mươi hai triệu đồng).
- Xử phạt Bùi Văn B 22.000.000^d (Hai mươi hai triệu đồng).

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

2.1. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 12.250.000^d; (Số tiền 12.250.000^d hiện Đng ở tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện N tại kho bạc Nhà nước huyện N, theo uỷ nhiệm chi ngày 10/04/2018 số tiền là 12.200.000^d; ngày 13/04/2018 số tiền là 50.000^d).

2.2. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ. (Đặc điểm, chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/04/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; áp dụng Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu án phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Bùi Xuân T, Bùi Văn Đ, Bùi Quốc V, Bùi Văn B và Nguyễn Văn B1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA.DS huyện N;
- Thi hành án HS;
- Bị cáo;
- Lưu (Hồ sơ, VP);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình